CÔNG TY TNHH MOONMILK
Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang,
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
T: 02583 553 888

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Ký bởi: SỞ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 20-05-2026 15:56:14 +07:00

SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA
ĐẾN
Số: 1126
Ngày: 20/5
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

V/v: Tự công bố sản phẩm.

Nha trang, ngày 07 tháng 05 năm 2026

Kính gửi : **SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**

Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính gửi Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho sản phẩm thực phẩm nhập khẩu với chi tiết như sau:

Stt	Tên sản phẩm	Số công bố	Ngày công bố
1	Ngũ cốc lúa mì "Artek" hiệu MAKFA	36/Moonmilk/2026	01/05/2026

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MOONMILK
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Hữu Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : 36/Moonmilk/2026

I.Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888 Email: import2.moonmilk@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

II.Thông tin về sản phẩm:

1.Tên sản phẩm: Ngũ cốc lúa mì "Artek" hiệu MAKFA

2.Thành phần: 100% lúa mạch.

3.Thời hạn sử dụng sản phẩm: 14 tháng kể từ ngày sản xuất

4.Quy cách đóng gói: 700g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng;

5.Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa – phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế

6.Nhà Sản Xuất: Công ty cổ phần «MAKFA», văn phòng 1, tòa 1, nhà 5, ngõ Vspolny, thành phố Moskva, 123001, Nga, điện thoại: 8-800-500-08-04, www.makfa.ru, makfa@makfa.ru. Địa điểm sản xuất: Công ty cổ phần «MAKFA», khu dân cư Roshino, huyện Sosnovsky, tỉnh Chelyabinsk, 456513, Nga

III.Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

IV.Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

4.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
01	TSVSVHK	CFU/g	2.6 x 10^2
02	E.coli	CFU/g	<10
03	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	<10
04	S. aureus	CFU/g	<10
05	CL. perfringens	CFU/g	<10
06	B. cereus	CFU/g	<10
07	Coliforms	CFU/g	<10

4.2. Hàm lượng kim loại nặng

Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Asen (As)	mg/kg	0,1
02	Chì (Pb)	mg/kg	2

4.3. Độc tố vi nấm

Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT,

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Aflatoxin B1	µg/kg	5
02	Aflatoxin tổng số	µg/kg	10
03	Ochratoxin A	µg/kg	3
04	Deoxynivalenol	µg/kg	750
05	Zearalenone	µg/kg	75

CÔNG TY TNHH OONMIL

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN CÔNG TY
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MOONMILK

Nguyễn Hữu Long

Nhãn phụ

- Ngũ cốc lúa mì "Artek" hiệu MAKFA
- Thành phần: 100% lúa mạch
- Bảo quản: nơi khô ráo, thông thoáng, không bị côn trùng gây hại ngũ cốc xâm nhiễm, bảo đảm tuân thủ các quy định vệ sinh. .
- Hướng dẫn sử dụng: Cách chế biến khuyến nghị, cho ngũ cốc vào chất lỏng đang sôi (nước hoặc sữa) theo tỷ lệ với chất lỏng, Tỷ lệ 1:2. Nấu ở mức sôi nhẹ trong 3 phút. Thêm muối, đường, bơ theo khẩu vị.
  Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm quá hạn hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
  Hạn sử dụng : 14 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
- Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
- Xuất xứ: Nga
- Nhà sản xuất: Công ty cổ phần «MAKFA», văn phòng 1, tòa 1, nhà 5, ngõ Vspolny, thành phố Moskva, 123001, Nga
- ĐỊA ĐIỂM SẢN XUẤT:JSC <<MAKFA», Khu vực Roshino, Quận Sosnovsky, Chelyabinsk oblast, 456513, Nga..
- Thương nhân nhập khẩu, phân phối và tự công bố sản phẩm:
  CÔNG TY TNHH MOONMILK
  Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
  SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 36/Moonmilk/2026

Gía trị dinh dưỡng trung bình trong 100g	
Năng lượng (Energy)	357 Kcal
Đạm (Protein)	11.7 g
Carbohydrat (Carbohydrate)	23.5 g
Béo tổng (Total fat)	1.8 g
Natri (Sodium)	1.51 mg

12. Ngũ cốc kê "Artek"

BẢN DỊCH
TRANSLATION

Ngũ cốc lúa mì

700 g
TỪ CÁC GIỐNG
LÚA MÌ CỨNG

Mã vạch: 4601780005450
Xem các công thức nấu ăn cho mỗi ngày

ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK
GIÁM ĐỐC
(Đã ký và đóng dấu)

RU Крупа пшеничная «Артек». Масса нетто: 700 г. ГОСТ 276. ПИЩЕВАЯ ЦЕННОСТЬ 100 г продукта (средние значения): углеводы-69,0 г, белки - 11,0 г, жиры - 1,0 г. Энергетическая ценность (калорийность) – 329 ккал/ 1397 кДж. УСЛОВИЯ ХРАНЕНИЯ: в сухих, хорошо вентилируемых, не зараженных вредителями хлебных запасов помещениях с соблюдением санитарных норм. Рекомендуемый способ приготовления: в кипящую жидкость (воду или молоко) всыпать крупу, в соотношении с жидкостью	BẢN DỊCH TRANSLATION RU: Ngũ cốc lúa mì "Artek". Khối lượng tịnh: 700 g. GOST 276. GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG 100 g sản phẩm (giá trị trung bình): carbohydrate – 69,0 g, chất đạm – 11,0 g, chất béo – 1,0 g. Giá trị năng lượng (calo) – 329 kcal / 1397 kJ. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN: ở nơi khô ráo, thông thoáng, không bị côn trùng gây hại ngũ cốc xâm nhiễm, bảo đảm tuân thủ các quy định vệ sinh. Cách chế biến khuyến nghị: cho ngũ cốc vào chất lỏng đang sôi (nước hoặc sữa) theo tỷ lệ với chất lỏng.
1:2. Варить при слабом кипении 3 минуты. Добавить соль, сахар, масло по вкусу. ПОСТАВЩИК В РЕСПУБЛИКУ БЕЛАРУСЬ: ООО «Тибетрэй», г. Минск, ул. Уручская, д. 11а, оф. 43. Тел.: 8-017-389-06-40. Изготовитель: АО «МАКФА», Россия, 123001, г.Москва, пер.Вспольный, д.5, стр.1, офис 1, тел. 8-800-500-08-04, www.makfa.ru, makfa@makfa.ru АДРЕС ПРОИЗВОДСТВА: АО «МАКФА», Россия, 456513, Челябинская область, Сосновский район, п. Рощино.	Tỷ lệ 1:2. Nấu ở mức sôi nhẹ trong 3 phút. Thêm muối, đường, bơ theo khẩu vị. NHÀ CUNG CẤP TẠI CỘNG HÒA BELARUS: Công ty TNHH «Tibertay», văn phòng 43, nhà 11a, phố Uruchskaya, thành phố Minsk, Cộng hòa Belarus. Điện thoại: 8-017-389-06-40. NHÀ SẢN XUẤT: Công ty cổ phần «MAKFA», văn phòng 1, tòa 1, nhà 5, ngõ Vspolny, thành phố Moskva, 123001, Nga, điện thoại: 8-800-500-08-04, www.makfa.ru, makfa@makfa.ru ĐỊA CHỈ SẢN XUẤT: Công ty cổ phần «MAKFA», khu dân cư Roshino, huyện Sosnovsky, tỉnh Chelyabinsk, 456513, Nga.

Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt.**

Ngày 16 tháng 01 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên

Ngô Đình Hoàn

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười sáu, tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền

CHỨNG THỰC

- Ông Ngô Đình Hoàn là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 3 tờ, 3 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 6392 **Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND**

Người thực hiện chứng thực
Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu
CÔNG CHỨNG VIÊN

S.Đ.K.H.C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN HUỆ
P. Ô CHỢ DỪA - T.P HÀ NỘI

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trần Thị Huyền

12 "Artek" wheat grain пшено артек
4 601780 005450

Giám đốc

CÔNG TY TNHH MOONMILK
M.S.D.N: 4201570744 - C.T.T.N.H.H
TP. NHA TRANG - T. KHÁNH HÒA

Nguyễn Hữu Long

RU **Крупа пшеничная «Артек». Масса нетто: 700 г. ГОСТ 276.**

ПИЩЕВАЯ ЦЕННОСТЬ 100 г продукта (средние значения): углеводы-69,0 г, белки - 11,0 г, жиры - 1,0 г. Энергетическая ценность (калорийность) – 329 ккал/ 1397 кДж.

УСЛОВИЯ ХРАНЕНИЯ: в сухих, хорошо вентилируемых, не зараженных вредителями хлебных запасов помещениях с соблюдением санитарных норм.

Рекомендуемый способ приготовления: в кипящую жидкость (воду или молоко) всыпать крупу, в соотношении с жидкостью 1:2. Варить при слабом кипении 3 минуты. Добавить соль, сахар, масло по вкусу.

ПОСТАВЩИК В РЕСПУБЛИКУ БЕЛАРУСЬ: ООО «Тибетрэй», г. Минск, ул. Уручская, д. 11а, оф. 43. Тел.: 8-017-389-06-40.

Изготовитель: АО «МАКФА», Россия, 123001, г.Москва, пер.Вспольный, д.5, стр.1, офис 1, тел. 8-800-500-08-04, www.makfa.ru, makfa@makfa.ru

АДРЕС ПРОИЗВОДСТВА: АО «МАКФА», Россия, 456513, Челябинская область, Сосновский район, п. Рощино.

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: QOD9260300288-12 (1/4)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	30/03/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**NGŨ CỐC LÚA MÌ "ARTEK" HIỆU MAKFA**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: QOD9260300288-12 (1/4)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate) (*) / Calories (Calculated from protein, fat and carbohydrate) (*)	357	kcal/100g	AVA-KN-PP.HL/10
2	Đạm (*) / Protein (*)	11.7	g/100g	AVA-KN-PP.HL/01
3	Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)	73.5	g/100g	AVA-KN-PP.HL/04
4	Béo tổng (*) / Total fat (*)	1.80	g/100g	AVA-KN-PP.HL/02
5	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	1.51	mg/100g	AVA-KN-PP.QP/063

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: QOD9260300288-12 (2/4)

Tên khách hàng/ *Client's Name* : **CÔNG TY TNHH MOONMILK**

Địa chỉ/ *Client's Address* : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received* : 17/03/2026

Ngày thử nghiệm/ *Date of testing* : 17/03/2026 - 27/03/2026

Ngày trả kết quả/ *Date of Issue* : 30/03/2026

Thông tin mẫu/ *Name of Sample* : **NGŨ CỐC LÚA MÌ "ARTEK" HIỆU MAKFA**

Mô tả mẫu/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong bao bì kín

Bảng kết quả/ *Results Table* :

STT/ *No.*	**Chỉ Tiêu Thử Nghiệm**/ *Testing Analysis(s)*	**Kết Quả**/ *Result (s)*	**Đơn Vị**/ *Unit*	**Phương Pháp Thử**/ *Test Method*
1	Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
2	Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.1)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
3	Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 0.3)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
4	Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211
5	Zearalenone (*) / Zearalenone (*)	Không phát hiện/ Not Detected (LOD = 7)	µg/kg	AVA-KN-PP.SK/211

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663 - C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: QOD9260300288-12 (3/4)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	30/03/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**NGŨ CỐC LÚA MÌ "ARTEK" HIỆU MAKFA**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*		

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: QOD9260300288-12 (3/4)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)
2	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	<0.01	mg/kg	AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0317692663 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: QOD9260300288-12 (4/4)

Tên khách hàng/ *Client's Name*	:	**CÔNG TY TNHH MOONMILK**
Địa chỉ/ *Client's Address*	:	Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Ngày nhận mẫu/ *Date sample(s) received*	:	17/03/2026
Ngày thử nghiệm/ *Date of testing*	:	17/03/2026 - 27/03/2026
Ngày trả kết quả/ *Date of Issue*	:	30/03/2026
Thông tin mẫu/ *Name of Sample*	:	**NGŨ CỐC LÚA MÌ "ARTEK" HIỆU MAKFA**
Mô tả mẫu/ *Sample Description*	:	Mẫu chứa trong bao bì kín
Bảng kết quả/ *Results Table*	:	

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: QOD9260300288-12 (4/4)

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*)	2.6×10^2	CFU/g	ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022
2	Coliforms (*) / Coliforms (*)	<10	CFU/g	TCVN 6848:2007(ISO 4832:2006)
3	Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	<10	CFU/g	TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)
4	Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)	<10	CFU/g	AOAC 975.55
5	Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)	<10	CFU/g	ISO 15213-2:2023
6	Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)	<10	CFU/g	AOAC 980.31
7	Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds	<10	CFU/g	Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)

Chú thích/ *Remarks*:

1. (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
3. (**).(*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (**).(*): Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
4. (CN): Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
5. (TS): Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
6. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
7. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
8. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
9. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproducted except in full, without approval of AVATEK.
10. Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
11. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:

- Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
- Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)./ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).

12. Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:

- Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"./ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".

13. Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ AVATEK
M.S.D.N: 0317692663 - C.T.C.P - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TRẦN HOÀNG VINH